

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2022 – 2023

(Đính kèm Kế hoạch số 101/KH-THPTHB ngày 18 tháng 9 năm 2023 của trường THPT Hiệp Bình)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1805	594	625	586
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	1529	517/87.04%	498/79.68%	514/87.71%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	230	64/10.77%	103/16.48%	63/10.75%
3	Trung bình (tỉ lệ so với tổng số)	39	12/2.02%	18/2.88%	09/1.54%
4	Yếu (tỉ lệ so với tổng số)	07	01/0.17%	06/0.96%	0/0%
II	Số học sinh chia theo học lực	1805	594	625	586
1	+ Giỏi (tỉ lệ so với tổng số) + Tốt (đối với khối 10)	537	144/ 24.24%	171/27.36%	222/37.88%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	995	338/ 56.90%	330/52.8%	327/55.8%
3	Trung bình (tỉ lệ so với tổng số) + Đạt (đối với khối 10)	260	110/ 18.52%	117/18.72%	37/6.31%
4	Yếu (tỉ lệ so với tổng số) + Chưa đạt (đối với khối 10)	08	02/ 0.34%	06/0.96%	0/0%
5	Kém (tỉ lệ so với tổng số)	01	0/0%	01/0.16%	0/0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỉ lệ so với tổng số)	1804 99.9%	594 100%	624 99.8%	586 100%
A	HS Giỏi (tỉ lệ so với	26.35%	24.37%	26.5%	28.88%

	tổng số)				
b	HS tiên tiến (tỉ lệ so với tổng số)	55.96%	52.2%	55.38%	61.85%
2	Thi lại, rèn luyện hè (tỉ lệ so với tổng số)	7	1	6	0
3	Lưu ban (tỉ lệ so với tổng số)	1	0	1	0
4	Chuyển trường đến/ đi (tỉ lệ so với tổng số)	Chuyển đi: 06 Chuyển đến: 03	Chuyển đi: 04 Chuyển đến: 01	Chuyển đi: 02 Chuyển đến: 01	Chuyển đi: 00 Chuyển đến: 01
5	Bị đuổi học (tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (tỉ lệ so với tổng số)	1	0	0	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/ Thành phố	13	0	0	13
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				583
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				583
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỉ lệ % so với tổng số)				88.6%
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỉ lệ % so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/ Số học sinh nữ	1805/868	594/279	625/306	586/283
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	30	9	14	7